

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

Nguyễn Minh Nguyệt¹, Bùi Thị Thu^{2*}, Phạm Thị Kim Ngọc³

¹Học viện Báo chí và Tuyên truyền

²Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

³Học viên cao học, Trường THPT Nguyễn Thái Bình

*Email: buithithu@hueuni.edu.vn

Ngày nhận bài: 15/10/2023; ngày hoàn thành phản biện: 31/10/2023; ngày duyệt đăng: 4/12/2023

TÓM TẮT

Nông nghiệp là ngành đóng vai trò quan trọng đối với người dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với 43,9% lao động làm trong lĩnh vực nông nghiệp và 68,28% diện tích đất tự nhiên cho mục đích nông nghiệp. Trong nông nghiệp, hình thức tổ chức kinh tế trang trại đang phát triển khá mạnh và mang lại nhiều lợi ích cho người dân địa phương, tuy nhiên vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định cần khắc phục. Trên cơ sở xem xét hiệu quả sử dụng đất cho kinh tế trang trại thông qua điều tra phỏng vấn và phân tích các số liệu liên quan theo phương pháp phân tích chi phí - lợi ích và SWOT, một số giải pháp nâng cao hiệu quả đất cho kinh tế trang trại đã được đề xuất liên quan đến công tác quy hoạch, tìm kiếm và mở rộng thị trường, hoàn thiện cơ chế chính sách, thúc đẩy ứng dụng khoa học kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực và chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Từ khóa: Kinh tế trang trại, SWOT, Dương Minh Châu, Tây Ninh.

1. MỞ ĐẦU

Trang trại là hình thức tổ chức sản xuất (SX) quan trọng trong hoạt động nông nghiệp. Trong thời gian qua, kinh tế trang trại (KTTT) ở nước ta đã hình thành và phát triển nhanh chóng, góp phần mở rộng quy mô, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh trong cơ chế thị trường của SX nông nghiệp, đồng thời tăng cường hiệu quả việc sử dụng đất đai, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân [1].

Huyện Dương Minh Châu nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Tây Ninh, với nhiều điều kiện thuận lợi cho việc phát triển KTTT quy mô lớn. Chính vì thế, KTTT được xem là

yếu tố thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp và làm thay đổi bộ mặt nông thôn của huyện. Tuy nhiên, sự phát triển KTTT ở đây vẫn còn nhiều bất cập do những tác động bất lợi của thời tiết và biến đổi khí hậu; một số trang trại có quy mô nhỏ, chưa đáp ứng được tiêu chuẩn về kỹ thuật, môi trường (MT); trình độ người lao động còn hạn chế; thị trường tiêu thụ sản phẩm nhiều biến động, hầu hết sản phẩm của các trang trại chưa có nhãn hiệu, thiếu yếu tố thông tin và dịch vụ về quảng bá; diễn ra tình trạng lạm dụng dùng hoá chất gây ra ô nhiễm MT [4]... Chính vì thế, bài báo tập trung phân tích thực trạng phát triển KTTT, đánh giá hiệu quả kinh tế của các trang trại... làm cơ sở để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển KTTT.

2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Dữ liệu

- *Dữ liệu thứ cấp*: bao gồm các báo cáo về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và tình hình phát triển kinh tế - xã hội, tình hình sử dụng đất và đất cho phát triển trang trại, tình hình phát triển KTTT và các công trình nghiên cứu về địa phương.

- *Dữ liệu sơ cấp*: nguồn dữ liệu có được từ quá trình khảo sát, phỏng vấn hiệu quả kinh tế của các hộ gia đình năm 2022 với các nội dung về kết quả SX trang trại liên quan đến giá trị SX và chi phí các loại cây trồng, vật nuôi, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình SX nông nghiệp, và thông tin chung của hộ gia đình.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

* *Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp*: Các dữ liệu thứ cấp được thu thập từ Phòng Tài nguyên và môi trường, Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Chi cục Thống kê, UBND huyện Dương Minh Châu, Sở NN&PTNT, UBND tỉnh Tây Ninh,...

* *Phương pháp khảo sát thực địa và phỏng vấn*: Nghiên cứu tiến hành khảo sát kinh tế trang trại ở huyện Dương Minh Châu vào năm 2022 để thu thập hình ảnh, đối chiếu và kiểm tra các số liệu, tài liệu đã thu thập được. Đồng thời, thực hiện phỏng vấn trực tiếp 58 trang trại trên địa bàn về hiệu quả sử dụng đất về những khó khăn, thuận lợi và nguyện vọng trong quá trình SXNN.

* *Phương pháp phân tích tổng hợp*: Các tài liệu thu thập được chọn lọc, hệ thống hóa, phân loại theo những nội dung nghiên cứu, từ đó đánh giá những thuận lợi, khó khăn, cơ hội, thách thức trong tiến trình phát triển KTTT, phân tích hiệu quả sử dụng đất để làm cơ sở đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý đất ở địa bàn nghiên cứu.

* *Phương pháp phân tích hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp (ĐNN)*: Việc phân tích hiệu quả phát triển KTTT tập trung vào hiệu quả kinh tế, xã hội và MT đối với trang trại.

- *Hiệu quả kinh tế*

+ Giá trị SX (GO): Là toàn bộ giá trị của cải vật chất và dịch vụ được tạo ra của KTTT.

$$GO = \sum Q_i \times P_i \quad (1.1)$$

Trong đó: Q_i : Khối lượng sản phẩm loại i , P_i : Đơn vị giá sản phẩm loại i .

+ Chi phí trung gian (IC): gồm chi phí vật chất và dịch vụ phục vụ cho SX.

+ Giá trị gia tăng (VA): là giá trị sản phẩm vật chất của trang trại được tạo ra trong một năm và được tính bằng hiệu số giữa lợi ích (giá trị SX) và chi phí trung gian.

$$\text{Đối với cây trồng hàng năm: } VA = GO - IC \quad (1.2)$$

$$\text{Đối với cây trồng lâu năm: } VA = NPV = \sum_{i=0}^n \frac{B_i}{(1+r)^i} - \sum_{i=0}^n \frac{C_i}{(1+r)^i} \quad (1.3)$$

Trong đó: NPV: giá trị hiện tại của thu nhập thuần; B_i : khoản thu của năm thứ i ; C_i : khoản chi phí của năm thứ i ; n : số năm (vòng đời) của cây trồng (từ năm 0 đến năm n); r : tỷ suất chiết khấu được lựa chọn (tính bằng tỷ lệ lãi suất ngân hàng).

- *Hiệu quả xã hội*: để đánh giá hiệu quả của việc sử dụng đất cho KTTT thường xem xét đến các chỉ tiêu mức độ giải quyết việc làm, các công trình công cộng được đầu tư xây dựng,...

- *Hiệu quả MT*: được phản ánh ở khía cạnh hạn chế ô nhiễm đất, sử dụng phân bón và các loại thuốc bảo vệ thực vật...

Hiệu quả xã hội, môi trường được phân tích, đánh giá định tính dựa trên kết quả điều tra để làm cơ sở phân tích SWOT và đề xuất giải pháp phát triển KTTT ở địa bàn nghiên cứu.

* *Phương pháp phân tích SWOT*: KTTT huyện Dương Minh Châu trước tiên được phân tích dưới 4 góc độ (Điểm mạnh, Điểm yếu, Cơ hội, Thách thức), từ đó tạo nên các chiến lược kết hợp SWOT (SO, ST, WO, WT).

- *Điểm mạnh (Strengths – S)*: Các lợi thế của Huyện so với các địa phương khác.

- *Điểm yếu (Weaknesses- W)*: Đây là các đặc điểm khiến cho Huyện kém phát triển so với các địa điểm khác.

- *Cơ hội (Opportunities - O)*: Những cơ hội đến từ MT bên ngoài giúp thu hút thêm đầu tư và tăng giá thành sản phẩm, tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển trang trại của huyện.

- *Thách thức (Threats - T)*: Những yếu tố bên ngoài - MT phát triển trang trại - có

thể hạn chế sự phát triển trang trại của huyện.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát về khu vực nghiên cứu

Huyện Dương Minh Châu có 10 đơn vị hành chính cấp xã và 01 thị trấn. Phần lớn lãnh thổ là địa hình đồi khá bằng phẳng, chạy dài theo hướng Bắc Nam. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 26-27°C; mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10. Hệ thống sông rạch tự nhiên tương đối ít, chủ yếu là những con sông, suối nhỏ đổ vào hồ Dầu Tiếng, trong đó lớn nhất là sông Sài Gòn. Nguồn sinh vật khá phong phú, đặc biệt là các cánh rừng phòng hộ đầu nguồn.

Tính đến năm 2022, toàn huyện có 121.105 người. Lực lượng lao động của huyện là 78.243 người, trong đó lao động nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 43,9% [2]. Trong những năm qua, kinh tế huyện Dương Minh Châu tăng trưởng với quy mô ngày càng lớn và phát triển toàn diện, việc đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, cơ sở vật chất phục vụ phát triển kinh tế trang trại được các cấp quan tâm.

3.2. Thực trạng phát triển kinh tế trang trại ở huyện Dương Minh Châu

a. Quy mô trang trại và tình hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

- Quy mô trang trại: Diện tích ĐNN trên địa bàn toàn huyện đến ngày 31/12/2022 là 29.744,75 ha chiếm 68,28% tổng diện tích tự nhiên (43.559,61 ha), tăng 1381,75 ha so với năm 2021 [4]. Theo tiêu chí xác định trang trại quy định tại thông tư Liên tịch số 27/2011/TT- BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ NN & PTNT [2], số trang trại trên địa bàn huyện Dương Minh Châu qua một số năm có tăng và đạt 58 mô hình (năm 2022).

Bảng 1. Quy mô và cơ cấu trang trại ở huyện Dương Minh Châu năm 2022

Loại hình trang trại	Số lượng trang trại (mô hình)	Quy mô diện tích (ha)			
		Dưới 5	5 - 10	11 - 15	Trên 15
Chăn nuôi	37	37	-	-	-
Trồng trọt	17	11	4	-	2
Nuôi trồng thủy sản (NTTS)	2	1	1	-	-
Tổng hợp	2	2	-	-	-
Tổng	58	51	5	0	2
Cơ cấu (%)	100	87,9	8,6	0	3,5

Nguồn: [4, 6]

Qua bảng 1 cho thấy các trang trại có quy mô nhỏ dưới 5,0 ha chiếm đến 87,9% tổng số trang trại. Loại hình trang trại phổ biến là chăn nuôi, phân bố chủ yếu trong các khu dân cư nông thôn, sử dụng diện tích đất được Nhà nước giao hoặc đất vườn ở để xây dựng chuồng trại chăn nuôi. Trang trại có quy mô từ 5,0 đến 10,0 ha chỉ chiếm 8,6% tổng số trang trại với hoạt động SX bưởi da xanh và nhãn. Trang trại quy mô lớn trên 15,0 ha cũng có số lượng ít, chiếm 3,5%, chủ yếu trồng măng cầu, chôm chôm, cam, nhãn, xoài.

- *Tình hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp*: Các loại hình sử dụng đất chủ yếu trên địa bàn huyện được thể hiện rõ trên bảng 2.

Bảng 2: Tình hình sử dụng đất SX nông nghiệp ở huyện Dương Minh Châu

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	
		Năm 2020	Năm 2022
1.1	Đất trồng lúa	7.778,67	6.223,40
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	3.760,61	3.609,15
1.3	Đất trồng cây lâu năm	16.916,11	18.427,07
1.4	Đất NTTS	379,19	421,52

Nguồn: Tổng hợp từ [2, 3]

Qua bảng 2 cho thấy, đất trồng lúa năm 2022 là 6.223,40 ha (chiếm 20,9% diện tích ĐNN), giảm 1.555,27 ha so với năm 2020, đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 3.609,15 ha (chiếm 11,9% diện tích ĐNN) cũng giảm 691,46 ha, đất trồng cây lâu năm có diện tích 18.427,07 ha (chiếm 61,8% diện tích ĐNN), tăng 1.510,96 ha.

Hệ thống trang trại trên địa bàn huyện phân bố cơ bản đều khắp ở các xã. Một số xã tuy có vị trí địa lý cách xa trung tâm của huyện nhưng có lợi thế về quỹ đất tự nhiên lớn, nhất là đất dùng cho mục đích trồng cây lâu năm và nguồn nước mặt dồi dào thuận lợi cho phát triển các trang trại chăn nuôi, trang trại tổng hợp.

b. Hiệu quả phát triển kinh tế trang trại

** Hiệu quả kinh tế*

Hiệu quả kinh tế trung bình theo loại hình trang trại được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Hiệu quả KTTT ở huyện Dương Minh Châu theo loại hình năm 2018 và 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại hình trang trại	Năm 2018				Năm 2022			
	Diện tích (ha)	GO	IC	VA	Diện tích (ha)	GO	IC	VA
Chăn nuôi	46,6	166.026,0	45.541	120.485,0	59,0	234.844,0	62.059	172.785,0
Trồng trọt	95,4	57.689,0	29.659	28.030,0	105,4	68.057,8	32.978	35.080,0
NTTS	-	-	-	-	6,8	12.200,0	6.800	5.400,0
Tổng hợp	-	-	-	-	8,2	19.480,0	8.980	10.500,0

Nguồn: [4, 6] và kết quả phỏng vấn các trang trại

Qua bảng 3 cho thấy, diện tích và đầu tư chi phí SX cho KTTT năm 2022 tăng nhiều so năm 2018 nên giá trị SX (GO) và giá trị gia tăng (VA) cũng lớn hơn. Trong đó, loại hình trang trại chăn nuôi có hiệu quả lớn nhất (172.785 triệu đồng), sau đó là đến trang trại trồng trọt; trang trại NTTS có hiệu quả thấp nhất (5.400 triệu đồng) do diện tích nuôi trồng bé nhất. Nguyên nhân là do một số loại hình chăn nuôi phát triển mạnh theo mô hình trại lạnh khép kín; kết hợp với công nghệ sinh học nên giá trị SX ngày một đi lên. Bên cạnh đó, các trang trại trồng trọt cũng đã áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào SX nên hiệu quả được cải thiện.

Nếu xét trên 1 ha thì hiệu quả KTTT trung bình được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Hiệu quả KTTT ở huyện Dương Minh Châu trên 1 ha năm 2018 và 2022

Loại hình trang trại	Năm 2018				Năm 2022			
	Diện tích (ha)	GO/ha	IC/ha	VA/ha	Diện tích (ha)	GO/ha	IC/ha	VA/ha
Chăn nuôi	46,6	3.566,6	978,3	2.588,3	59,0	3.980,4	1.051,8	2.928,6
Trồng trọt	95,4	604,7	310,9	293,8	105,4	645,6	312,8	332,8
NTTS	-	-	-	-	6,8	1.794,1	1.000,0	794,1
Tổng hợp	-	-	-	-	8,2	2.375,6	1.095,1	1.280,5

Nguồn: [4, 6] và kết quả phỏng vấn các trang trại

Nếu tính cho 1 ha thì giá trị gia tăng của trang trại chăn nuôi là cao nhất, đạt 2.928,6 triệu đồng và trang trại trồng trọt ở mức thấp nhất là 332,8 triệu đồng. Nguyên nhân là do hoạt động chăn nuôi đòi hỏi chủ trang trại phải đầu tư chi phí nhiều nhất. Kết quả là giá trị SX của trang trại chăn nuôi đạt cao nhất nên lợi nhuận thu được từ loại hình trang trại này lớn so với các loại hình khác. Loại hình trang trại trồng trọt được phát triển từ rất sớm, được nhiều chủ trang trại ủng hộ vì mức độ rủi ro thấp, có thể sử dụng

được sản phẩm tạo ra trong trang trại, giảm chi phí đầu tư nhưng trong loại hình này có trang trại nuôi trồng thủy sản và trang trại tổng hợp chỉ có 4 trang trại tuy số lượng ít nhưng vẫn có lợi nhuận khá cao.

** Hiệu quả xã hội*

- Giải quyết việc làm cho một số lao động nông thôn, mức độ giải quyết công ăn việc làm trong phát triển loại hình KTTT: Dương Minh Châu là một huyện thuần nông, nguồn lao động phổ thông trong huyện khá dồi dào. Trước đây, do điều kiện SX khó khăn, năng suất thấp, hiệu quả kinh tế mang lại từ NN còn hạn chế, nhiều lao động chính trong các hộ gia đình đã di chuyển đến các địa phương khác tìm việc làm. Tuy nhiên, với những số liệu kinh tế khả quan, đặc biệt là sự xuất hiện nhiều loại hình KTTT làm ăn có hiệu quả đã thu hút nguồn lao động của địa phương. Diện tích đất hoang, đất bạc màu, đất chưa sử dụng được các chủ trang trại khai hoang, cải tạo và đưa vào SX trong các loại hình phát triển KTTT. Chính nhờ những hoạt động SX đó đã giải quyết được một lượng lớn lao động nông nhàn ở nông thôn. Hiện lao động trong các trang trại lên đến 280 người.

- Các công trình công cộng được đầu tư, xây dựng: KTTT ở huyện Dương Minh Châu đã và đang ngày càng trở thành loại hình kinh tế có hiệu quả. Sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của KTTT đã góp phần chuyển biến nền kinh tế nông nghiệp. Bộ mặt nông thôn đang dần đổi mới và đời sống của một bộ phận nông dân không ngừng được tăng lên. Các công trình văn hoá, y tế, giáo dục, thể dục thể thao, thương mại du lịch và các công trình phúc lợi xã hội khác đã được đầu tư và nâng cấp trên khắp địa bàn huyện, đem lại lợi ích cho cộng đồng dân cư, từng bước đem lại lợi ích vật chất và tinh thần của người dân trong huyện.

** Hiệu quả môi trường*

Qua điều tra thực tế cho thấy, hầu hết các trang trại trên địa bàn huyện có các sự kết hợp giữa trang trại trồng trọt với trang trại chăn nuôi và trong trang trại tổng hợp cũng kết hợp tận dụng nguồn phân của chăn nuôi cung cấp cho trồng trọt để tận dụng triệt để thức ăn thừa trong hoạt động SX. Một mặt giảm được chi phí SX, mặt khác, việc chăn nuôi cung cấp nguồn phân hữu cơ rất tốt cho các loại đất, giảm được lượng phân bón hoá học đưa xuống đồng ruộng, giảm ảnh hưởng tiêu cực đến MT sinh thái.

c. Những bất cập trong phát triển kinh tế trang trại

Bên cạnh những kết quả tích cực trong quá trình phát triển KTTT, một số hạn chế cũng đã bộc lộ ở địa bàn nghiên cứu như sau:

- Công tác theo dõi, đánh giá kinh tế trang trại còn khó khăn do hầu hết các chủ trang trại chưa thực hiện trách nhiệm kê khai chăn nuôi theo quy định.

- Hầu hết sản phẩm của các trang trại chưa có nhãn hiệu nên chưa cung cấp trực tiếp ra thị trường; chưa có hợp đồng liên kết SX, tiêu thụ sản phẩm nên thị trường tiêu thụ chưa bền vững, giá cả bấp bênh; chưa có trang trại hoạt động du lịch nông nghiệp nông thôn.

- Phần lớn quy mô trang trại vẫn còn nhỏ lẻ nên diện tích canh tác còn ít, SX chưa mang tính hàng hóa. Một số trang trại không được xây dựng theo tiêu chuẩn và việc xử lý phân, rác thải gia súc, gia cầm không hợp vệ sinh làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân và làm lây lan các bệnh truyền nhiễm.

- Mức thu nhập của một số trang trại còn thấp nên các nguồn chất đốt rẻ tiền và dễ kiếm như lá cây, phân gia súc đã được tận dụng... Đây cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm không khí và ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe con người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em sống trong trang trại.

- Chất thải rắn hoạt động SXNN phụ thuộc nhiều vào nguồn phát sinh và mang đặc tính của loại hình NN nói chung và loại hình SX trang trại nói riêng. Thành phần chính của chất thải rắn gồm: Phế phụ phẩm từ trồng trọt (rom, rạ, trấu, cám, thân, lá cây, vỏ); phân gia súc (lợn, bò), phân gia cầm (gà, vịt, ngan); bao bì đóng gói, chai lọ thuốc BVTV, thuốc trừ sâu, thuốc thú y; túi đựng hoá chất NN, phân bón; xác động vật chết (gà toi, heo lở mồm, bò long móng) chứa các vi trùng gây bệnh;... Những chất thải này tồn tại lâu dài trong MT nông thôn, ảnh hưởng lớn đến sức khỏe con người, hệ thống nước ngầm ở nông thôn.

- Bên cạnh đó, các trang trại còn một số hạn chế như: Chỉ quan tâm đến việc phải làm kinh tế chứ chưa nghĩ đến vấn đề MT, chạy theo nhu cầu trên thị trường chứ chưa biết chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để phát triển một cách bền vững hơn [5, 6].

d. Kết quả phân tích SWOT

**** Điểm mạnh (S):***

S1 - Vị trí địa lý của huyện nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Tây Ninh, địa hình đồi khá bằng phẳng, khí hậu nhiệt đới gió mùa, với nền nhiệt cao quanh năm, đất đai hình thành trên trầm tích phù sa cổ rất thuận lợi cho việc bố trí sử dụng các loại hình sử dụng đất và lưu thông hàng hóa trong phát triển KTTT.

S2 - Huyện Dương Minh Châu đã chú trọng nghiên cứu các loại cây và con có giá trị kinh tế cao để phát triển trang trại.

S3 - Sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của hoạt động nông nghiệp là cơ sở và nền tảng để phát triển trang trại ở huyện, đặc biệt các trang trại SX theo VietGap.

S4 - Địa phương đã có các loại hình trang trại chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản. Đây là cơ sở để mở rộng quy mô và số lượng trang trại.

S5 - Chính quyền địa phương xác định trang trại là ngành ưu tiên phát triển, đưa ra các chính sách thu hút đầu tư vào hoạt động trang trại.

S6 - Người dân ý thức được lợi ích của phát triển trang trại và tham gia tích cực vào hoạt động kinh doanh trang trại.

S7 - Huyện luôn chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về việc cải thiện MT trang trại.

** Điểm yếu (W):*

W1 - Thời tiết không thuận lợi, hàng năm đều chịu tác động sâu sắc của bão, lũ, nóng ẩm..., gây ra sâu bệnh, dịch bệnh tác động bất lợi đến SX của các trang trại.

W2 - Cơ sở hạ tầng về giao thông chưa đáp ứng đủ nhu cầu phát triển. Cơ sở vật chất trang trại chủ yếu quy mô nhỏ, hoạt động chưa chuyên nghiệp. Chuồng trại chăn nuôi một số trang trại không được xây dựng theo tiêu chuẩn và việc xử lý phân, rác thải gia súc, gia cầm không hợp vệ sinh làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

W3 - Nguồn nhân lực phục vụ trang trại còn hạn chế về trình độ chuyên môn; chưa thể hiện được tính chuyên nghiệp trong kinh doanh trang trại, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển trang trại trong tình hình mới.

W4 - Thị trường tiêu thụ các sản phẩm biến động, ảnh hưởng đến đầu ra của KTTT.

W5 - Phần lớn quy mô trang trại vẫn còn nhỏ lẻ nên diện tích canh tác còn ít, SX chưa mang tính hàng hóa, hầu hết sản phẩm của các trang trại chưa có nhãn hiệu.

W6 - Sản phẩm trang trại thiếu yếu tố thông tin và dịch vụ về quảng bá.

W7 - Do lạm dụng dùng hoá chất như thuốc trừ sâu, phân bón hoá học,... đang gây ra tình trạng ô nhiễm đất, giảm độ phì của đất.

** Cơ hội (O):*

O1 - Việt Nam đang thực hiện thúc đẩy phát triển hợp tác kinh tế với các nước là cơ hội mở rộng thị trường cho trang trại của huyện về thủy sản, sầu riêng...

O2 - Sự phát triển của công nghệ thông tin làm thay đổi cách tiếp cận và chia sẻ thông tin về trang trại qua nhiều hình thức, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh trang trại.

O3 - Các tiến bộ khoa học, công nghệ cao, chuyển đổi số được đưa vào SX, chế biến ngày càng nhiều và càng được người dân chú trọng.

O4 - Trung ương và tỉnh Tây Ninh đã ban hành những chính sách huy động mọi nguồn lực, tăng cường đầu tư để sớm đưa trang trại phát triển trở thành ngành kinh tế quan trọng.

O5 - Xu hướng phát triển du lịch nông thôn gắn với miệt vườn, trang trại (farm tourism) ngày càng phát triển, thu hút lượng khách ngày càng đông từ các đô thị.

** Thách thức (T)*

T1 - Ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế trên thế giới không chỉ làm ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng mà còn làm khó khăn hơn sự thu hút đầu tư từ bên ngoài đối với trang trại.

T2 - Cùng với tác động của biến đổi khí hậu, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp sẽ ảnh hưởng lớn tới tình hình SX trang trại.

T3 - Sự phát triển mạnh về kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành lân cận đã thu hút một lượng lớn lao động nông nghiệp từ huyện Dương Minh Châu dẫn đến dần dần thiếu lao động nông nghiệp và nguồn nhân lực chất lượng cao trong phát triển KTTT.

T4 - Cạnh tranh về sản phẩm hàng hóa từ các tỉnh lân cận như Bình Dương, Bình Phước... cũng như các địa phương khác trong tỉnh về phát triển KTTT.

T5 - Tình hình chính trị thế giới, lạm phát kinh tế toàn cầu dẫn đến giá các mặt hàng thiết yếu, tác động không nhỏ đến phát triển KTTT của huyện.

T6 - Sự thay đổi nhu cầu và phương thức tiêu dùng đòi hỏi có sự chuyển đổi phù hợp về tổ chức SX và cơ cấu lại kênh phân phối, kết nối cung - cầu.

Dựa trên các yếu tố *Điểm mạnh (S)*, *Điểm yếu (W)*, *Cơ hội (O)*, *Thách thức (T)*, ma trận chiến lược SWOT được phân tích để làm cơ sở đề xuất các giải pháp phát triển trang trại tại huyện Dương Minh Châu như ở bảng 5.

Bảng 5. Ma trận chiến lược kết hợp SWOT

Kết hợp yếu tố	Cơ sở giải pháp
SO	S1, S3, S4 + O1, O3, O5: Quy hoạch trang trại theo mục tiêu phát triển của địa phương.
	S6, S7 + O1, O2, O5: Tăng cường quảng bá, chia sẻ thông tin.
	S2, S5 + O3, O4: Chính sách phát triển kinh tế trang trại.
ST	S1 + T1, T4, T5, T6: Mở rộng thị trường và tăng khả năng cạnh tranh
	S4 + T2, T6: Thu hút đầu tư khoa học kỹ thuật vào KTTT

	S3, S4, S6 + T3: Đào tạo nhân lực
	S5, S7 + T5: Chính sách phát triển KTTT và hỗ trợ giá
WO	W1, W2, W5, W7 + O2, O3: Khoa học kỹ thuật
	W4, W6 + O1, O5: Tăng cường công tác quảng bá, mở rộng thị trường
	W3 + O2, O4: Nhân lực cần được đào tạo về công nghệ cao
WT	W1, W6 + T2, T7: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi
	W2, W5 + T1, T4: Giải pháp tăng cường khoa học kỹ thuật.
	W3 + T3: Huy động và phát triển nguồn nhân lực trong KTTT.
	W4, W6 + T5: Tìm kiếm và mở rộng thị trường.

3.3. Một số giải pháp phát triển KTTT ở huyện Dương Minh Châu

Để giải quyết những tồn tại chưa được khắc phục và hướng đến phát triển KTTT một cách bền vững ở khu vực nghiên cứu cần quan tâm đến 06 nhóm giải pháp sau:

** Thứ nhất, tăng cường công tác quy hoạch:* Cần xây dựng quy hoạch chi tiết cho phát triển KTTT trên cơ sở quy hoạch chung của huyện, trong đó cần chỉ rõ những vùng có tiềm năng để phát triển KTTT, xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp; Các cấp phải quản lý chặt chẽ việc đảm bảo thực hiện đúng quy hoạch và chỉ rõ trách nhiệm của các ban, ngành,... trong việc thực hiện đúng quy hoạch đã được phê duyệt theo các vùng SX tập trung, không manh mún. Quy hoạch xây dựng trang trại theo hướng tập trung, xây dựng theo tiêu chuẩn để việc xử lý phân, rác thải gia súc, gia cầm hợp vệ sinh, khỏi làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân và làm lây lan các bệnh truyền nhiễm.

** Thứ hai, giải pháp về tìm kiếm và mở rộng thị trường:* Hỗ trợ các hoạt động quảng bá và xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm cho các trang trại thông qua các cuộc hội chợ, triển lãm trên địa bàn tỉnh và trong nước; Tăng cường chuỗi liên kết SX và tiêu thụ sản phẩm nên ảnh hưởng đến hoạt động của các trang trại, tìm đầu ra cho sản phẩm của trang trại mình; Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, mã số, mã vạch sản phẩm hàng hóa. Đẩy mạnh chọn cây trồng, vật nuôi hợp lý, phù hợp với kinh tế thị trường, cân đối cung cầu, giá trị cao.

** Thứ ba, hoàn thiện về cơ chế, chính sách:* Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế trang trại, thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả các chính sách về nông nghiệp, nông thôn để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực trạng và xu hướng phát triển chăn nuôi của địa phương; Tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện; Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia đầu tư phát triển trang trại công nghệ cao; nâng cao chất lượng lựa chọn dự án đầu tư cho phát triển địa phương,

đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Cần có chính sách hỗ trợ liên kết SX và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp để tăng hiệu quả của KTTT; thúc đẩy liên kết SX, chế biến, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản tập trung, quy mô và áp dụng công nghệ cao, tiến bộ khoa học, kỹ thuật.

** Thứ tư, giải pháp về thúc đẩy ứng dụng về khoa học kỹ thuật:* Đẩy mạnh việc tiếp cận với nền khoa học hiện đại; trong phát triển KTTT; đẩy mạnh việc xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm an toàn dịch bệnh. Đẩy mạnh SX theo quy trình VietGAP, VietGAHP, kết hợp với công nghệ sinh học, công nghệ cao trong việc chọn tạo các giống cây, vật nuôi, con giống mới để đưa vào SX trong các trang trại trên địa bàn huyện, mang lại hiệu quả kinh tế cao...

** Thứ năm, giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực:* Khuyến khích các cơ sở đào tạo tham gia vào hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo nghề, kỹ năng lai tạo giống, kỹ thuật chăn nuôi - thú y để người SX có kỹ thuật, chủ động trong hoạt động của trang trại mình; cần có kế hoạch liên kết với các cơ sở đào tạo ngành nghề để mở các khóa đào tạo thích hợp, phục vụ nhu cầu thực tiễn, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí học tập; mở các lớp bồi dưỡng, truyền đạt kinh nghiệm của các hộ gia đình SX theo mô hình trang trại có hiệu quả.

** Thứ sáu, giải pháp về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi:* Cần chuyển đổi các loại cây trồng, vật nuôi kém hiệu quả, không phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương và gây ô nhiễm MT; Hình thành các đợt khảo sát đến các mô hình trang trại để rà soát lại hiệu quả SX của các trang trại nhằm lựa chọn các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp, đem lại giá trị tốt về kinh tế, xã hội, MT, phù hợp với nhu cầu thị trường; Nhân rộng các mô hình trang trại có hiệu quả kinh tế cao và quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi cho người dân cần được tập huấn chi tiết, hỗ trợ kịp thời về kỹ thuật;.

4. KẾT LUẬN

Nông nghiệp vẫn là ngành đóng vai trò quan trọng trong đời sống người dân ở huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Hình thức trang trại có 04 loại hình: chăn nuôi, trồng trọt, NTTS và tổng hợp. Trong đó, trang trại chăn nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất so với các hình thức trang trại khác.

Phát triển KTTT ở huyện vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, trong đó quy hoạch về KTTT vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế; đa số các trang trại phải tự tìm đầu ra cho sản phẩm của mình; việc tiếp thu ứng dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế, các chính sách phát triển KTTT chưa kịp thời, hiệu quả, lao động trong kinh tế trang trại đa phần có trình độ thấp... Trên cơ sở xem xét thực trạng KTTT và phân tích về những ưu điểm

và bất cập, cơ hội thách thức trong phát triển KTTT theo phương pháp SWOT, 06 giải pháp lớn đã được đề xuất nhằm phát triển KTTT theo hướng bền vững liên quan đến tăng cường công tác quy hoạch; Tìm kiếm và mở rộng thị trường; hoàn thiện cơ chế và chính sách, thúc đẩy ứng dụng khoa học kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. 1. Ban Vật giá Chính phủ (2000), *Tư liệu về kinh tế trang trại*, NXB. TP. Hồ Chí Minh.
- [2]. 2. Chi cục Thống kê huyện Dương Minh Châu (2022), *Niên giám thống kê huyện Dương Minh Châu năm 2022*, Dương Minh Châu.
- [3]. 3. UBND Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (2022), *Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Dương Minh châu*, Dương Minh Châu.
- [4]. 4. UBND huyện Dương Minh Châu (2022), *Báo cáo tình hình kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Dương Minh Châu năm 2022*, Dương Minh Châu.
- [5]. 5. UBND huyện Dương Minh Châu (2021), *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh huyện Dương Minh Châu 5 năm 2021-2025*, Dương Minh Châu.
- [6]. 6. UBND huyện Dương Minh Châu (2022), *Báo cáo tổng hợp trang trại đạt tiêu chí kinh tế trang trại theo thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, Dương Minh Châu.

**THE CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS FOR IMPROVING
THE LAND-USE EFFICIENCY OF THE FARM ECONOMY
IN DUONG MINH CHAU DISTRICT, TAY NINH PROVINCE**

Nguyen Minh Nguyet¹, Bui Thi Thu^{2*}, Pham Thi Kim Ngoc³

¹Academy of Journalism & Communication

²Hue University of Sciences; *Email: buithithu@hueuni.edu.vn

³Master Student, Nguyen Thai Binh High School

*Email: buithithu@hueuni.edu.vn

ABSTRACT

Agriculture plays a significant role for residents in the Dương Minh Châu district, with 43.9% of the workforce employed in the agricultural sector and 68.28% of the natural land area used for agricultural purposes. Within agriculture, the economic organization of farming is experiencing notable growth, bringing many benefits to the local population. However, certain limitations persist and need to be solved. Based on an assessment of land use efficiency in farming through interviews and analysis of relevant data by using cost-benefit analysis and SWOT analysis, some solutions to enhance the efficiency of farmland have been proposed. These solutions relate to planning, market exploration and expansion, policy framework improvements, the promotion of scientific and technical applications, workforce training, and crop structure transformation.

Keywords: Farming economy, SWOT, Dương Minh Châu, Tây Ninh.



Nguyễn Minh Nguyệt sinh ngày 03/02/1983 tại Nghệ An. Năm 2005, bà tốt nghiệp cử nhân ngành Sư phạm Địa lý tại Trường Đại học Vinh. Năm 2008, bà nhận học vị Thạc sĩ ngành Địa lý tự nhiên tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội. Năm 2014, bà nhận học vị Tiến sĩ ngành Địa lý tự nhiên tại trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội. Hiện nay, bà công tác tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Lĩnh vực nghiên cứu: Địa lý tự nhiên, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, kinh tế MT.



Bùi Thị Thu sinh ngày 28/3/1970 tại TP. Huế. Năm 1993, bà tốt nghiệp Cử nhân ngành Địa lý tại Trường Đại học Tổng hợp Huế. Năm 2002, bà nhận học vị Thạc sĩ ngành Địa lý tự nhiên tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2014, bà nhận học vị Tiến sĩ ngành Quản lý tài nguyên và MT tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội. Hiện nay, bà công tác tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế tài nguyên và phát triển nông nghiệp, nông thôn.



Phạm Thị Kim Ngọc sinh ngày 25/12/1981 tại Tây Ninh. Năm 2005, bà tốt nghiệp cử nhân ngành Sử - Địa tại Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, bà công tác tại Trường THPT Nguyễn Thái Bình.

Lĩnh vực nghiên cứu: Địa lý tài nguyên MT.

